TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 443/2024/HS-PT
Ngày: 20/9/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Vũ Thanh Liêm**

Các Thẩm phán: ông **Phạm Văn Hợp**

ông **Trần Đức Kiên**

- Thư ký phiên tòa: bà **Đặng Ngọc Gia Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Lê Văn Thành** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 298/2024/TLPT-HS ngày 17 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo Trần Văn M và các bị cáo khác về tội "*Làm, tàng trữ, lưu hành tiền giả*".

Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2024/HS-ST-CTN ngày 07 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1737/2024/QĐXXPT-HS ngày 30 tháng 8 năm 2024.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Văn M; sinh ngày 10 tháng 7 năm 1988; tại tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: số nhà A đường H, khu dân cư P, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Q (Q1) và bà Huỳnh Tuyết T; tiền sự: Không;

Tiền án:

- Ngày 27-5-2011 *(Bản án số 129/2011/HS-ST)*, bị Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; đến ngày 06-4-2013 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù;

- Ngày 15-7-2014 *(Bản án số 415/2014/HS-ST)*, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm 02 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; đến ngày 16-6-2015 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

Nhân thân:

- Ngày 14-3-2016 *(Quyết định số 93/QĐ-TA),* bị Tòa án nhân dân quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 21 tháng; kể từ ngày 15-01-2016;

- Ngày 24-02-2023 *(Quyết định số 09/QĐ-UBND),* bị Chủ tịch UBND phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị bắt giam ngày 18-3-2023. Có mặt;

2. Nguyễn Như P (T1); sinh ngày 07 tháng 11 năm 1971; tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: số nhà A đường H, khu dân cư P, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị Ú; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt giam ngày 19-12-2022. Có mặt;

3. Huỳnh Hoàng T2; sinh ngày 29 tháng 9 năm 2005; tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: A34/33F3, tổ E, ấp A, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Minh C và bà Huỳnh Thị Thúy H1; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt giam ngày 23-10-2023. Có mặt;

4. Đoàn Văn D; sinh ngày 02 tháng 10 năm 1989, tại tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: tổ C, thôn L, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn P1 và bà Nguyễn Thị C1; có vợ Lê Thị Xuân S và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 26-4-2018 *(Bản án số 35/2018/HS-ST),* bị Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xử phạt 18 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích"; bị bắt giam ngày 05-12-2022. Có mặt;

- *Người bào chữa cho bị cáo* Trần Văn M*:* Ông Nguyễn Văn T3, luật sư, Công ty luật trách nhiệm hữu hạn Lê Thị Hồng T4 và cộng sự thuộc Đoàn luật sư thành phố Đ. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo* Nguyễn Như P*:* Ông Hồ Văn H2, luật sư, Công ty L thuộc Đoàn luật sư thành phố Đ. Vắng mặt, có gửi luận cứ bào chữa.

- *Người bào chữa cho bị cáo* Huỳnh Hoàng T2*:* Bà Lê Thị Hồng T4, luật sư, Công ty luật trách nhiệm hữu hạn Lê Thị Hồng T4 và cộng sự thuộc Đoàn luật sư thành phố Đ và là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Đ. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo* Đoàn Văn D*:* Ông Trương Hùng T5, luật sư, Công ty L1 thuộc Đoàn luật sư thành phố Đ. Có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo khác, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 26-11-2022, bà Nguyễn Thị P2 đến Công an quận S, thành phố Đà Nẵng trình báo việc bà có rao bán trên mạng xã hội 01 điện thoại Iphone, đến khoảng 19 giờ 35 phút ngày 26-11-2022 thì có 01 nam thanh niên gọi điện hỏi mua rồi đến nhà bà tại K đường L, phường M, quận S để mua chiếc điện thoại nói trên với giá 10.200.000 đồng. Sau khi thanh niên này đi khỏi thì bà phát hiện tiền nam thanh niên đưa là tiền giả. Tại cơ quan Công an, bà P2 giao nộp tiền bán điện thoại gồm 20 tờ tiền VNĐ, mệnh giá 500.000 đồng và 01 tờ tiền VNĐ, mệnh giá 200.000 đồng.

Kết luận giám định số 1796A/KL-KTHS ngày 14-12-2022 của Phân Viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng thuộc V1 - Bộ C4 (sau đây viết tắt là Phân Viện khoa học hình sự tại Đà Nẵng) đối với tiền do bà Nguyễn Thị P2 giao nộp nói trên như sau: 20 tờ tiền VNĐ, mệnh giá 500.000 đồng là tiền giả; 01 tờ tiền VNĐ, mệnh giá 200.000 đồng, có mã hiệu và số seri NX 13320960 là tiền thật.

Vào lúc 15 giờ ngày 05-12-2022, làm việc với Cơ quan Công an thì Đoàn Văn D tự nguyện giao nộp 20 tờ tiền VNĐ, mệnh giá 500.000 đồng (D khai đây là tiền giả, cất trong ví để lưu hành); 01 điện thoại Samsung Galaxy, số imei 350895261880412; 01 điện thoại Samsung, số imei 353415087909 26. Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Đoàn Văn D lúc 16 giờ ngày 05-12-2022 tại thôn L, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam, thu giữ 83 tờ tiền VNĐ, mệnh giá 500.000 đồng; 01 điện thoại Oppo màu đen, số imei 1: 863944047509091, số imei 2: 863944047509083; 01 mũ bảo hiểm màu đen; 01 áo khoác màu đen.

Kết luận giám định số 1796B/KL-KTHS ngày 28-12-2022 của Phân Viện khoa học hình sự tại Đà Nẵng đối với 20 tờ tiền VNĐ, mệnh giá 500.000 đồng do Đoàn Văn D giao nộp nói trên là tiền giả và 83 tờ tiền VNĐ, mệnh giá 500.000 đồng thu giữ tại chỗ ở của D nói trên là tiền giả.

Khám xét khẩn cấp tiệm N2 của Hồ Văn T6 lúc 17 giờ ngày 05-12-2022 tại thôn N, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam, thu giữ 21 tờ tiền VNĐ, mệnh giá 500.000 đồng; 01 xe mô tô Honda SH, biển kiểm soát 92H1-49695, kèm chìa khóa và Giấy chứng nhận đăng ký xe; 01 mũ bảo hiểm; 01 ví da; 01 biên lai cầm đồ thế chấp tài sản "Iphone 11 Promax" của cửa hàng điện thoại di động và dịch vụ cầm đồ Khánh Hoàng; 01 quần Jean; 01 đôi dép; 01 điện thoại Galaxy A20. Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Hồ Văn T6 lúc 17 giờ 45 phút ngày 05-12-2022, tại thôn N, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam, thu giữ 01 áo sơ mi trắng; 01 điện thoại Nokia màu đen.

Kết luận giám định số 1796A/KL-KTHS ngày 14-12-2022 của Phân Viện khoa học hình sự tại Đà Nẵng đối với 21 tờ tiền VNĐ, mệnh giá 500.000 đồng thu giữ tại tiệm N2 của Hồ Văn T6 nói trên là tiền giả.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Thị Cẩm D1 lúc 11 giờ ngày 18-12-2022 tại 11 đường H, khu dân cư P, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, thu giữ:

- 01 tờ tiền VNĐ, mệnh giá 500.000 đồng, số seri RT 18423202; 286 trang tài liệu in hình tiền VNĐ, mệnh giá 500.000 đồng; 87 trang tài liệu in hình tiền VNĐ, mệnh giá 500.000 đồng; 16 trang tài liệu in hình tiền VNĐ, mệnh giá 500.000 đồng, đã được ép nilong bóng; 1127 tờ tiền VNĐ, mệnh giá 500.000 đồng;

- 01 máy in màu, hiệu Epson, mã L805; 01 máy in màu, hiệu Canon, mã X6870; 01 máy in, hiệu Canon LPB623Cdw; 01 máy in màu, hiệu Canon TS6370; 01 màn hình máy tính hiệu Mitsubishi; 01 CPU hiệu VSP; 01 CPU hiệu Dell; 02 bàn phím máy vi tính màu đen; 01 con chuột máy vi tính màu đen; 01 máy cơ, có tay quay hiệu ITUV màu xanh lá cây; 01 máy màu đen có chữ Caution Hot SurFaces; 01 máy Laminator; 01 máy dập hiệu Tân Thanh màu xanh lá cây; 01 khung máy màu đen, hình chữ nhật có dòng chữ Danger; 01 máy màu nâu, phía trên có thước kẻ; 01 máy dập bằng tay hiệu Impulse Sealer; 05 tập giấy A4 các loại dùng để in ấn; 02 cuộn nilong, giữa cuộn có trục sắt; 01 máy dùng để quay các cuộn nilong; 07 cuộn nilong; 01 máy cơ màu đen, có tay cầm kèm theo các phụ kiện;

- 01 USB hiệu Kingstone 32GB màu đen; 02 bộ đàm hiệu Motorola; 01 máy chiếu màu trắng; Hệ thống camera trong nhà gồm: 01 đầu ghi hiệu KB Vision và 05 đầu đọc; 01 quyển vở học sinh; 01 máy sạc pin, hiệu Navara; 01 hợp đồng thuê nhà (đối với căn nhà P17, số nhà A đường H, khu dân cư P, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh);

- 01 điện thoại Iphone màu trắng bạc, kèm sim số 0901324615 của Huỳnh Thị Thúy H1; 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu tím; 01 điện thoại Realmi màu xanh của Nguyễn Như P; 01 điện thoại Iphone màu vàng của Nguyễn Thị Cẩm D1; 01 điện thoại Iphone màu trắng của Nguyễn Thị Cẩm D1; 01 điện thoại Realmi màu xanh của Nguyễn Thị Cẩm D1; 01 điện thoại Nokia màu đen, số imei 354275385287610, gắn sim số 0586782120;

- 01 Căn cước công dân và 01 hộ chiếu Việt Nam mang tên Nguyễn Thị Cẩm D1; 01 Căn cước công dân mang tên Huỳnh Thị Thúy H1;

- 01 áo khoác màu xanh; 01 áo khoác màu nâu – xanh dương; 01 xe mô tô hiệu Suzuki, loại RGX, số khung: không có, số máy: F120-TH123154, biển kiểm soát 59T1-33000 của Trần Văn M.

- 16 Giấy chứng minh nhân dân; 02 Căn cước công dân; 12 Giấy phép lái xe; 20 Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy; 04 Chứng nhận đăng ký xe ô tô;

- 01 hộp tiếp đạn (bên trong không có đạn); 01 hộp nhựa đựng đạn và vỏ đạn; 01 hộp tròn màu vàng, bên trong có các bộ phận của súng được tháo rời và đạn; 01 hộp các-tông màu đen, chứa các bộ phận của súng đã tháo rời; 01 hộp nhựa màu xanh, bên trong có chứa các bộ phận của súng đã tháo rời, vỏ đạn và một số dụng cụ. Các bộ phận của súng được tháo rời; 01 vật có hình dáng giống lựu đạn và đạn;

- 01 Giấy đăng ký xe mang tên Lê Văn D2; 01 Giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Quốc T7; 01 Giấy phép lái xe (bị xóa tên).

- 01 gói nilong chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy; 02 gói nilong chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy; 02 ống thủy tinh bên trong có ám khói màu trắng;

- 04 Thẻ ngân hàng V2, A, V3 và S2 mang tên Lê Phương T8; 01 Căn cước công dân mang tên Lê Phương T8; 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Thị T9; 01 thẻ sim (không chứa sim) số sim 0833086608.

Kết luận giám định số 1883A/KL-KTHS ngày 28-12-2022 của Phân Viện khoa học hình sự tại Đà Nẵng đối với 1127 tờ tiền VNĐ, mệnh giá 500.000 đồng thu giữ tại chỗ ở của Nguyễn Thị Cẩm D1 là tiền giả.

Kết luận giám định số 1883B/KL-KTHS ngày 12-01-2023 của Phân Viện khoa học hình sự tại Đà Nẵng đối với tiền thu giữ tại chỗ ở của Nguyễn Thị Cẩm D1 như sau: 01 tờ tiền VNĐ, mệnh giá 500.000 đồng, có số seri RT 18423202 là tiền giả; 1144 tờ tiền VNĐ, mệnh giá 500.000 đồng, kích thước 154mm x 65mm, được in trên 286 trang A4 là tiền giả; 348 tờ tiền VNĐ, mệnh giá 500.000 đồng, kích thước 154mm x 65mm, được in trên 87 trang A4 là tiền giả; 63 tờ tiền VNĐ, mệnh giá 500.000 đồng, kích thước 154mm x 65mm, được in trên 16 trang A4 là tiền giả.

Kết luận giám định số 72/KL-KTHS ngày 13-01-2023 của Phân Viện khoa học hình sự tại Đà Nẵng đối với 01 vật bằng kim loại (có hình giống quả lựu đạn; thân bằng kim loại, màu cam; trên thân có ký hiệu: "LD-01-TẬP X55-12"; bên trong thân rỗng; bộ phận gây nổ bằng nhựa màu cam, cần gạt và vòng giật bằng kim loại) thu giữ tại chỗ ở của Nguyễn Thị Cẩm D1 là mô hình lựu đạn dùng trong huấn luyện quân sự (không gây sát thương, không có thuốc nổ, không có kíp nổ); không phải là vật liệu nổ và hiện tại còn sử dụng được.

Kết luận giám định số 75/KL-KTHS ngày 16-01-2023 của Phân Viện khoa học hình sự tại Đà Nẵng, xác định:

- Trong 08 mẫu vật nghi là linh kiện súng ký hiệu A1 gửi giám định có 01 linh kiện là khẩu súng tự chế không theo tiêu chuẩn kỹ thuật, thiết kế của nhà sản xuất hợp pháp, có khả năng gây sát thương, nguy hại cho tính mạng, sức khỏe của con người, phá hủy kết cấu vật chất tương tự như súng ngắn, hiện tại sử dụng bắn được và thuộc vũ khí quân dụng;

- Các mẫu vật còn lại nghi là linh kiện súng ký hiệu A1, A5, A6 và A7 không lắp ráp được với nhau thành khẩu súng;

- Các mẫu vật ký hiệu A2 là 04 viên đạn mô hình không phải vũ khí quân dụng, công cụ hỗ trợ và đồ chơi nguy hiểm;

- Các mẫu vật ký hiệu A3 là 302 viên bi kim loại không phải vũ khí, công cụ hỗ trợ và đồ chơi nguy hiểm;

- Các mẫu vật ký hiệu A4, A8 và A9 là 18 viên đạn cao su cỡ (9x22)mm, hiện tại còn sử dụng được và thuộc công cụ hỗ trợ;

- Các mẫu vật ký hiệu A10 là 05 viên đạn cỡ (5,6x15,6)mm, hiện tại còn sử dụng được và thuộc vũ khí thể thao.

Kết luận giám định số 36/KL-KTHS ngày 09-01-2023 của Phòng K Công an thành phố Đ, xác định: Tinh thể rắn màu trắng trong 02 gói nilong niêm phong ký hiệu A1 là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng mẫu A1: 0,373 gam. Tinh thể màu trắng trong 01 gói nilong niêm phong ký hiệu A2 không phải là chất ma túy, tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy, khối lượng mẫu A2: 3,428 gam.

Kết luận giám định số 79A/KL-KTHS ngày 10-3-2023 của Phân Viện khoa học hình sự tại Đà Nẵng, xác định:

- 11 Giấy phép lái xe mang tên Lê Thụy V, Đặng Chí C2, Mai Văn T10, Lê Thị Thu H3, Mai Văn T10, Trần Ngọc T11, Nguyễn Văn S1, Trương Tấn Đ, Hoàng Văn N, Nguyễn Quốc T7 và 01 Giấy phép lái xe đã bị xóa tên là các giấy phép lái xe giả;

- 03 Căn cước công dân, mang tên Nguyễn Ngô Triều N1, Nguyễn Thị Cẩm D1 và Huỳnh Thị Thúy H1 là các căn cước công dân thật;

- 02 Căn cước công dân, mang tên Lê Hoàng C3 và Lê Phương T8 là các căn cước công dân giả;

Kết luận giám định số 79B/KL-KTHS ngày 11-5-2023 của Phân Viện khoa học hình sự tại Đà Nẵng, xác định:

- 13 Giấy chứng minh nhân dân nêu tại các mục: II.1.2 đến II.1.7; II.1.9 đến II.1.13; II.1.16 và II.1.62: Mẫu phôi của 13 Giấy chứng minh nhân dân nêu trên là mẫu phôi Giấy chứng minh nhân dân thật. Không tiến hành giám định so sánh đối với chữ ký và hình dấu tròn màu đỏ trên 13 Giấy chứng minh nhân dân nêu trên do không có mẫu so sánh;

- 01 Giấy chứng minh nhân dân nêu tại mục: II.1.8 là Giấy chứng minh nhân dân giả (thay ảnh, thay bản in mặt trước, chữ ký, hình dấu in màu);

- 02 Giấy chứng minh nhân dân nêu tại các mục: II.1.14 và II.1.15 là Giấy chứng minh nhân dân giả (phôi, chữ ký, hình dấu in màu);

- Không tiến hành giám định so sánh đối với 01 Giấy chứng minh nhân dân nêu tại mục II.1.1 do không có mẫu so sánh (phôi, hình dấu, chữ ký);

- 01 Giấy phép lái xe nêu tại mục: II.1.22 là Giấy phép lái xe giả (giả mẫu phôi);

- 02 Giấy phép lái xe nêu tại mục II.1.25 và 11.1.26: Mẫu phôi của 02 Giấy phép lái xe nêu trên là mẫu phôi Giấy phép lái xe thật. Không tiến hành giám định so sánh đối với chữ ký và hình dấu trên 02 Giấy phép lái xe trên do không có mẫu so sánh;

- 07 Giấy chứng nhận đăng ký xe nêu tại các mục: II.1.35; II.1.38 đến II.1.41; II.1.51 và II.1.55 là các Giấy chứng nhận đăng ký xe giả (phôi, chữ ký, hình dấu in màu);

- 16 Giấy chứng nhận đăng ký xe nêu tại các mục: II.1.31 đến II.1.34; II.1.36; II.1.37; II.1.42 đến II.1.46; II.1.48 đến II.1.50; II.1.52 và II.1.54. Mẫu phôi của 16 Giấy chứng nhận đăng ký xe nêu trên là mẫu phôi Giấy chứng nhận đăng ký xe thật. Không tiến hành giám định so sánh đối với chữ ký và hình dấu trên 16 Giấy chứng nhận đăng ký xe nêu trên do không có mẫu so sánh;

- Không tiến hành giám định so sánh đối với 02 Giấy chứng nhận đăng ký xe nêu tại các mục: II.1.47 và II.1.53 do không có mẫu so sánh (phôi, hình dấu, chữ ký);

- 01 Hộ chiếu Việt Nam số B9653877 mang tên Nguyễn Thị Cẩm D1 là Hộ chiếu thật;

Ngoài ra, Cơ quan An ninh điều tra Công an thành phố Đ còn thu giữ:

- 01 điện thoại Samsung Galaxy có số Imel: 350895261880412; 01 điện thoại Samsung có số I: 35341508790926 và 01 xe mô tô Honda loại Future, biển kiểm soát 92H1-68174 của Đoàn Văn D;

- 01 điện thoại Iphone 11 Promax, màu xám, có số seri: F2HZKQDBN7OG, số máy MWFD2LL/A do bà Ngô Thị H4 giao nộp;

- Số tiền 4.000.000 đồng do bà Hồ Thị P3 giao nộp để khắc phục hậu quả cho Hồ Văn T6, là chị ruột của Hồ Văn T6 giao nộp;

- 28 tờ tiền VNĐ, mệnh giá 500.000 đồng do bà Phạm Thị H5 giao nộp;

Kết luận giám định số 341/KL-KTHS ngày 08-3-2023 của Phân Viện khoa học hình sự tại Đà Nẵng đối với 28 tờ tiền VNĐ, mệnh giá 500.000 đồng do bà Phạm Thị H5 giao nộp là tiền giả.

Qua điều tra xác định:

- Tháng 01-2020, Trần Văn M quen biết rồi thuê nhà trọ *(không rõ địa chỉ cụ thể)* tại Thành phố Hồ Chí Minh chung sống như vợ chồng với Nguyễn Thị Cẩm D1; Nguyễn Như P không có việc làm nên được M và D1 cho ở cùng phụ giúp việc nhà. Do không có tiền tiêu xài nên M nảy sinh ý định làm tiền giả để bán lấy tiền thật. Để thực hiện việc làm tiền giả, M đến một số chợ mua máy móc, thiết bị về làm thử nhưng tiền làm ra bị lỗi nên M chưa đưa đi lưu hành. Đến tháng 01-2021, M, D1 và Phú chuyển đến ở tại hẽm A đường D, phường A, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh *(không rõ địa chỉ cụ thể),* M tiếp tục mua thêm máy móc, thiết bị để làm tiền giả nhưng thấy vẫn chưa đạt nên M đem đốt hết số tiền này.

- Đến tháng 6-2021, M, D1 và P tiếp tục chuyển đến ở tại hẽm KC76 đường H, phường T, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh *(không rõ địa chỉ cụ thể),* M tiếp tục mua thêm máy móc để làm tiền giả, lúc này sản phẩm làm ra đã hoàn thiện nên M mang đi lưu hành. D1 và P biết M làm tiền giả và giúp M làm các công việc như bưng bê máy móc, dọn dẹp phế phẩm … Tổng số tiền giả M đã làm ra và mang đi lưu hành là khoảng 200.000.000 đồng tại nhiều tỉnh thành phía Nam *(không nhớ rõ đã lưu hành như thế nào).*

- Tháng 9-2022, M, D1 và Phú chuyển đến ở tại nhà số A đường H, khu dân cư P, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; tại đây, M lắp đặt các máy móc thiết bị đã mua trước đó để làm tiền giả, rồi rủ và được P đồng ý tham gia làm tiền giả. Khoảng cuối tháng 10-2022, M gặp nói thuê thêm Huỳnh Hoàng T2 tham gia làm tiền giả, T2 về hỏi ý kiến mẹ là Huỳnh Thị Thúy H1 *(*H1 *là chị gái cùng mẹ khác cha với* D1*; được* D1 *thuê giúp nấu cơm nước, việc nhà)* thì H1 đồng ý và đã nhiều lần dùng xe đạp chở T2 đến nhà M để làm tiền giả. Miên trực tiếp hướng dẫn cho P và T2 để giúp M làm tiền giả.

- Quá trình làm tiền giả thì M là người sử dụng máy vi tính đặt tại phòng ngủ của M ở tầng 02 để in phôi tiền giả trên giấy A4 *(mỗi tờ giấy A4 in được 04 hình tờ tiền Việt Nam, mệnh giá 500.000 đồng),* rồi trực tiếp hoặc nhờ D1 đưa lên tầng 03 cho P để cùng với T2 thực hiện các bước: đục 02 lỗ hình hoa sen trên tờ tiền; dùng máy cán ép nilong vào các tờ tiền; bỏ vào khuôn để cắt tiền trên giấy A4 ra thành các tờ tiền riêng lẻ; đánh bóng tờ tiền; dùng máy dập số 500.000 lên tờ tiền và mang xuống tầng 02 cho M, D1 cất tại phòng ngủ *(sau khi làm xong mỗi công đoạn* P *đều mang tiền giả xuống cho* M *kiểm tra).* Mỗi tuần, cả nhóm làm khoảng một đến hai lần, mỗi lần làm khoảng 200 đến 300 tờ.

- Trong quá trình làm tiền giả thì T2 hay chơi điện thoại, không tập trung, làm hỏng nhiều nên D1 có nói lại cho H1 biết và nhiều lần dọa cho nghỉ việc; H1 cũng nhiều lần gọi điện nhắc nhở, la mắng, động viên T2 tập trung làm tiền giả cho M để lấy tiền công. Từ cuối tháng 10-2022 cho đến khi bị phát hiện, M đã trả công cho T2 2.500.000 đồng thông qua H1 nhận tiền để sử dụng chi tiêu cho gia đình. D1, P, T2 và H1 biết và giúp M làm tiền giả để bán đổi lấy tiền thật, tuy nhiên không biết bán cho ai và việc trao đổi thỏa thuận mua bán tiền giả do một mình M thực hiện.

- Để tiêu thụ, Trần Văn M đăng bán tiền giả lên các hội nhóm mạng xã hội Facebook. Khoảng ngày 15-11-2022, Đoàn Văn D sử dụng Zalo liên hệ M để mua 50.000.000 đồng tiền giả với giá 10.000.000 đồng tiền thật, nhưng vì thấy D nói đang khó khăn nên M đã gửi thêm tiền giả cho D với tổng số tiền giả là 86.000.000 đồng. Đến ngày 21-11-2022, D nhận được tiền giả thông qua dịch vụ chuyển phát "Giao hàng tiết kiệm" với tên giả là Nguyễn Quốc T12 số điện thoại 0935245254, địa chỉ xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Khi nhận D thấy số tiền giả nhiều hơn đặt mua, liên lạc hỏi thì M nói cứ dùng đi, được thì lấy tiếp thì D đồng ý. D mang tiền giả về nhà cất giấu, rồi sử dụng tài khoản M1 0829868911 của D chuyển thanh toán cho M 1.500.000 đồng tại tài khoản T14 đứng tên Nguyễn Thanh T13. Sau đó, D gọi điện thoại cho bạn là Hồ Văn T6

khoe mới mua được tiền giả (nhưng không nói số lượng cụ thể) và hứa sẽ cho T6 01 tờ tiền giả. Hôm sau, khi gặp T6 tại quán cà phê ở xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam thì D đã cho T6 01 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng, T6 lấy cất vào ví.

- Đến ngày 23-11-2022, D đi xe mô tô biển kiểm soát 92H1-68174 đến cửa hàng bán điện thoại tại B đường N, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam; tại đây, D 02 lần nhờ bà Phạm Thị H5 chuyển tiền cho M; bà H5 đã sử dụng tài khoản V3 0651000736748 chuyển cho M 13.500.000 đồng tại tài khoản T14; rồi D đưa cho bà H5 28 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng; bà H5 lấy tiền phí 100.000 đồng và trả lại cho D 400.000 đồng. Sau đó, D điện thoại nói chuyển dư tiền và M chuyển lại cho D 5.000.000 đồng qua tài khoản M1 0829868911 của D.

- Ngày 26-11-2022, tại quán cà phê ở xã B, D nói với T6 chiều sẽ chở mẹ vợ ra Đà Nẵng để thăm anh vợ; tiện thể D dùng tiền giả để mua điện thoại rồi bán lấy tiền thật tiêu xài thì T6 xin đi theo và được D đồng ý. Đến 18 giờ cùng ngày, D và T6 ra đến Đà Nẵng rồi cả 02 đi mua 01 sim rác số 0776508442 để liên hệ với những người bán điện thoại. D lên trang web chotot.com để tìm kiếm và thấy bà Nguyễn Thị P2 đăng thông tin bán điện thoại Iphone 11 Promax với giá 10.500.000 đồng; D liên hệ rồi khoảng 19 giờ 10 phút đi cùng với T6 đến dùng 10.000.000 đồng tiền giả và 200.000 đồng tiền thật mua điện thoại của bà P2. Sau đó, cả 02 mang điện thoại về và D cho T6 20 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng, T6 lấy cất vào trong ví.

- Ngày 04-12-2022, D nói T6 đem chiếc điện thoại Iphone 11 Promax mua của bà P2 trước đó đi cầm lấy tiền tiêu xài thì T6 mang đến hiệu cầm đồ Khánh Hoàng tại C đường T, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam gặp bà Ngô Thị H4 cầm lấy 8.000.000 đồng; T6 về đưa lại cho D 4.000.000 đồng; D và T6 đã tiêu xài hết.

Về bồi thường thiệt hại:

- Ngày 03-4-2024, gia đình các bị cáo Huỳnh Thị Thúy H1 và Huỳnh Hoàng T2 đã bồi thường cho bà Nguyễn Thị P2 1.000.000 đồng và nộp vào Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng để khắc phục hậu quả 2.500.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000249 ngày 11-3-2024;

- Ngày 03-4-2024, gia đình bị cáo Trần Văn M đã bồi thường cho bà Nguyễn Thị P2 1.000.000 đồng và nộp tiền thu lợi bất chính vào tài khoản của Sở Tài chính thành phố Đ mở tại Kho bạc nhà nước thành phố Đ 1.000.000 đồng theo Giấy nộp tiền mặt số 24662811 ngày 05-4-2024 của Ngân hàng TMCP Đ1, Chi nhánh Đ2;

- Ngày 08-4-2024, gia đình bị cáo Đoàn Văn D đã bồi thường cho bà Ngô Thị H4 4.000.000 đồng và ngày 05-5-2024 đã bồi thường cho bà Phạm Thị H5 14.000.000 đồng;

- Ngày 09-5-2023, gia đình bị cáo Hồ Văn T6 nộp tiền bồi thường cho bà Ngô Thị H4 vào tài khoản của Sở Tài chính thành phố Đ mở tại Kho bạc nhà

nước thành phố Đ 4.000.000 đồng theo Giấy nộp tiền mặt số 20551450 của Ngân hàng TMCP Đ1, Chi nhánh Đ2.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2024/HS-ST-CTN ngày 07 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 207; điểm a, g, h, o khoản 1 Điều 52; điểm b, r, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 39 của Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố bị cáo Trần Văn M phạm tội "Làm, tàng trữ, lưu hành tiền giả";

Xử phạt bị cáo Trần Văn M tù chung thân. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18 tháng 3 năm 2023;

2. Căn cứ vào khoản 3 Điều 207; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Như P phạm tội "Làm, tàng trữ, lưu hành tiền giả";

Xử phạt bị cáo Nguyễn Như P 20 (hai mươi) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19 tháng 12 năm 2022;

3. Căn cứ vào khoản 3 Điều 207; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Hoàng T2 phạm tội "Làm, tàng trữ, lưu hành tiền giả";

Xử phạt bị cáo Huỳnh Hoàng T2 12 (mười hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23 tháng 10 năm 2023.

4. Căn cứ vào khoản 3 Điều 207; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố bị cáo Đoàn Văn D phạm tội "Tàng trữ, lưu hành tiền giả";

Xử phạt bị cáo Đoàn Văn D 14 (mười bốn) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05 tháng 12 năm 2022;

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Thị Cẩm D1, Huỳnh Thị Thúy H1, Hồ Văn T6, phần hình phạt bổ sung, bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 08/5/2024, bị cáo Nguyễn Như P có đơn kháng cáo; ngày 11/5/2024, bị cáo Huỳnh Hoàng T2 có đơn kháng cáo; ngày 18/5/2024, bị cáo Trần Văn M có đơn kháng cáo; ngày 19/5/2024, bị cáo Đoàn Văn D có đơn kháng cáo đều cùng nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trần Văn M, Nguyễn Như P, Huỳnh Hoàng T2, Đoàn Văn D đều giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Văn M, Nguyễn Như P, Huỳnh Hoàng T2, Đoàn Văn D và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Lời bào chữa của các luật sư cho các bị cáo Trần Văn M, Nguyễn Như P, Huỳnh Hoàng T2, Đoàn Văn D đều nhất trí về phần tội danh và khung hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng để xét xử đối với các bị cáo. Các luật sư đều cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xử mức hình phạt quá nghiêm khắc, hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn, bị cáo Huỳnh Hoàng T2 khi phạm tội còn ở độ tuổi vị thành niên nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo giảm cho các bị cáo một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

1. Các bị cáo Trần Văn M, Nguyễn Như P, Huỳnh Hoàng T2, Đoàn Văn D khai nhận tội, đối chiếu thấy phù hợp với kết quả giám định và các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án; Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2020 đến ngày 18/11/2022, tại Thành phố Hồ Chí Minh, Trần Văn M nảy sinh ý định làm tiền giả nên đã mua máy móc, thiết bị về lắp ráp và rủ các bị cáo, trong đó có Nguyễn Như P, Huỳnh Hoàng T2 tham gia làm tiền giả để bán lấy tiền thật thì các bị cáo P, T2 đều đồng ý. Bị cáo M và các bị cáo P, T2 đã làm tổng số 1.300 tờ tiền giả VNĐ mệnh giá 500.000 đồng, có trị giá tương ứng 650.000.000 đồng và 389 tờ A4 in hình tiền VNĐ mệnh giá 500.000 đồng tiền giả có trị giá tương ứng 778.000.000 đồng. Trần Văn M đã bán cho Đoàn Văn D 172 tờ tiền giả VNĐ mệnh giá 500.000 đồng có trị giá tương ứng 86.000.000 đồng với giá 10.000.000 đồng; D mang về nhà cất giấu rồi rủ Hồ Văn T6 tham gia lưu hành tiền giả. D đã đưa cho T6 21 tờ tiền giả VNĐ mệnh giá 500.000 đồng có trị giá tương ứng 10.500.000 đồng để T6 cất giấu. D đưa cho bà Phạm Thị H5 28 tờ tiền giả VNĐ mệnh giá 500.000 đồng có trị giá tương ứng 14.000.000 đồng để nhờ bà H5 chuyển khoản cho M 13.500.000 đồng (bà H5 lấy 100.000 đồng tiền phí và trả lại cho D 400.000 đồng tiền thật). D cùng với T6 sử dụng 20 tờ tiền giả VNĐ mệnh giá 500.000 đồng có trị giá tương ứng 10.000.000 đồng đưa cho bà Nguyễn Thị P2 mua 01 điện thoại Iphone 11 promax.

Hành vi nêu trên của các bị cáo đã bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử về các tội như sau: Trần Văn M, Nguyễn Như P, Huỳnh Hoàng T2 về tội "Làm, tàng trữ, lưu hành tiền giả" theo khoản 3 Điều 207 Bộ luật Hình sự; Đoàn Văn D về tội "Tàng trữ, lưu hành tiền giả" theo khoản 3 Điều 207 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

2. Bản án sơ thẩm đánh giá đúng tính chất đặc biệt nghiêm trọng của vụ án, mức độ phạm tội, đồng thời xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử phạt Trần Văn M tù chung thân, Nguyễn Như P 20 năm tù, Huỳnh Hoàng T2 12 năm tù, Đoàn Văn D 14 năm tù là hoàn toàn phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Văn M, Nguyễn Như P, Huỳnh Hoàng T2, Đoàn Văn D cũng như lời bào chữa của các luật sư cho các bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

3. Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Trần Văn M, Nguyễn Như P, Huỳnh Hoàng T2, Đoàn Văn D phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Văn M, Nguyễn Như P, Huỳnh Hoàng T2, Đoàn Văn D và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Văn M, Nguyễn Như P, Huỳnh Hoàng T2 phạm tội "Làm, tàng trữ, lưu hành tiền giả"; bị cáo Đoàn Văn D phạm tội "Tàng trữ, lưu hành tiền giả".

Áp dụng khoản 3 Điều 207; điểm b, r, s khoản 1 Điều 51; điểm a, g, h, o khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 39 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Trần Văn M tù chung thân. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/3/2023.

Áp dụng khoản 3 Điều 207; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Như P 20 (Hai mươi) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/12/2022.

Áp dụng khoản 3 Điều 207; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Huỳnh Hoàng T2 12 (Mười hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/10/2023.

Áp dụng khoản 3 Điều 207; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Đoàn Văn D 14 (Mười bốn) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/12/2022.

2. Về án phí: Trần Văn M, Nguyễn Như P, Huỳnh Hoàng T2, Đoàn Văn D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm về phần tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Thị Cẩm D1, Huỳnh Thị Thúy H1, Hồ Văn T6, phần hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, bồi thường thiệt hại, án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT-Công an thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV-Công an thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSTHAHS-CA thành phố Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thanh Liêm